

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 416/2026/HS-ST
Ngày 20-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Cường và ông Nguyễn Nhật Quang.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng N, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 591/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Dương Văn P, sinh năm 1991 tại tỉnh Ninh Bình; thường trú: thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Dương Văn P1, sinh năm 1972 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1971; có 01 em ruột, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình) xử 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2013/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù, đóng án phí hình sự và án phí dân sự ngày 05/8/2013; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2026 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2002; địa chỉ: tổ dân phố L, phường S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ dân phố L, phường S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: 1 tổ E, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Mai Tuấn N1, vắng mặt.

+ Ông Lê Xuân L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị hại Nguyễn Tuấn A, và Mai Tuấn N1 là bạn bè với nhau và cùng thuê phòng trọ tại địa chỉ: số A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để ở và đi làm. Bị cáo Dương Văn P là bạn của N1, bị cáo P đến xin ở nhờ tại phòng trọ của N1 và bị hại Tuấn A được N1 và bị hại Tuấn A đồng ý.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 19/11/2020, bị hại Tuấn A đi làm về và để xe mô tô Yamaha Exciter 150 màu xanh xám đen, biển số 76H1-297.35 trong phòng trọ, sau đó bị hại đi vào phòng vệ sinh để tắm. Lúc này, bị cáo P biết bị hại đang đi tắm nên bị cáo P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bị hại. Thực hiện ý định trên, bị cáo P nói với N1 là mượn xe mô tô biển số 76H1-297.35 của bị hại để đi ăn tối. Sau đó, bị cáo P dẫn xe mô tô ra khỏi phòng trọ và điều khiển xe mô tô biển số 76H1-297.35 rời đi. Khi đi ngang, bị cáo P phát hiện bên trong cốp xe mô tô trên có 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 76H1-297.35 nên bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 76H1-297.35 đến Cơ sở cầm đồ “M1”, địa chỉ: số A khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, thường trú: 1/457, tổ E, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ. Tại đây, bị cáo P gặp ông Lê Xuân L, sinh năm 1997, thường trú: thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa) là quản lý của tiệm cầm đồ làm thủ tục cầm cố xe mô tô trên với giá 18.000.000 đồng. Do bị cáo P không đứng tên chủ sở hữu xe mô tô trên nên ông L yêu cầu bị cáo P để lại 01 (một) bản sao Căn cước công dân số 036091001810 cấp ngày 03/6/2020 tên Dương Văn P. Sau khi bị hại tắm xong đi ra không thấy xe mô tô biển số 76H1-297.35 nên hỏi N1 thì biết được bị cáo P đã lấy xe mô tô của bị hại đi đâu làm gì không rõ. Lúc này, N1 gọi điện thoại cho bị cáo P hỏi thì bị cáo P cho biết đã cầm cố xe mô tô của bị hại tại Cơ sở cầm đồ “Minh Hoàng P2 II” để lấy tiền tiêu xài. Sau khi cầm cố chiếc xe nêu trên, bị cáo P đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 15/10/2021, bị hại đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) để trình báo sự việc. Đến ngày 01/01/2026, bị cáo P bị bắt tạm giam.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35;

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính);

- 01 (một) bản sao Căn cước công dân số 036091001810, tên Dương Văn P cấp ngày 03/6/2020;

- 01 (một) hợp đồng thế chấp tài sản của cửa hàng “M1”, số mã vạch 901119007, lập ngày 19/11/2020, tên khách hàng là DUONG VAN PHUONG, cầm xe 76H1-297.35, số tiền cầm là 18.000.000 đồng (bản chính);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46F8036929, tên hộ kinh doanh Dịch vụ cầm đồ “M1”, đăng ký ngày 18/3/2019 (bản photo).

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: *“01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150cc, biển số 76H1-297.35 trị giá 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)”*.

Tại cáo trạng số 58/CT-VKS – KV16 ngày 28 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Dương Văn P về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn P mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính). Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970, thường trú: phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi) là cha ruột của bị hại đứng tên chủ sở hữu. Ông M xác định xe trên đã cho và giao cho bị hại quản lý, sử dụng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại xe mô tô trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính) cho bị hại là có căn cứ nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 (một) bản sao Căn cước công dân số 036091001810, tên Dương Văn P cấp ngày 03/6/2020; 01 (một) hợp đồng thế chấp tài sản của cửa hàng “M1”, số mã vạch 901119007, lập ngày 19/11/2020, tên khách hàng là DUONG VAN PHUONG, cầm xe 76H1-297.35, số tiền cầm là 18.000.000 đồng (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46F8036929, tên hộ kinh doanh Dịch vụ cầm đồ “M1”, đăng ký ngày 18/3/2019 (bản photo) được lưu hồ sơ vụ án nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

* Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị H – Chủ cơ sở cầm đồ “Minh Hoàng Phát II” không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền cầm 18.000.000 đồng. Cho nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

* Đối với hành vi của ông Lê Xuân L là quản lý cơ sở cầm đồ “Minh Hoàng Phát II” cầm cố 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính) của bị cáo với số tiền 18.000.000 đồng. Ông L không biết xe mô tô nói trên là do bị cáo

phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không đề nghị xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: ngày 19/11/2020, tại phòng trọ số A, địa chỉ: 1 khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) bị cáo Dương Văn P lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35, trị giá 27.500.000 đồng của ông Nguyễn Tuấn A.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Cáo trạng số 58/CT-VKS – KV16 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 27/3/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình) xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2013/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đóng án phí hình sự và án phí dân sự ngày 05/8/2013. Theo bản án trên thì bị cáo có trách nhiệm bồi thường dân sự số tiền 5.200.000 đồng. Theo kết quả xác minh tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình “*đối với khoản anh Dương Văn P phải bồi thường cho anh Vũ Tiến Đ số tiền 5.200.000 đồng, qua tra cứu cho thấy không có đơn yêu cầu thi hành án của anh Đ yêu cầu anh P phải bồi thường số tiền 5.200.000 đồng*”. Như vậy, căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự là 05 năm, nếu hết 05 năm Cơ quan Thi hành án không

nhận được đơn yêu cầu thi hành án thì thuộc trường hợp Cơ quan thi hành án từ chối thi hành án, do đó tính có lợi cho bị cáo thì bị cáo đã được xoá án tích. Cho nên, bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[6] Về nhân thân: bị cáo là người lao động, đã từng bị xét xử.

[7] Về hình phạt: Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Về vật chứng:

- Xét 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính). Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970, thường trú: phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi) là cha ruột của bị hại đứng tên chủ sở hữu. Ông M xác định xe trên đã cho và giao cho bị hại quản lý, sử dụng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại xe mô tô trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính) cho bị hại là phù hợp.

- Xét 01 (một) bản sao Căn cước công dân số 036091001810, tên Dương Văn P cấp ngày 03/6/2020; 01 (một) hợp đồng thế chấp tài sản của cửa hàng “M1”, số mã vạch 901119007, lập ngày 19/11/2020, tên khách hàng là DUONG VAN PHUONG, cầm xe 76H1-297.35, số tiền cầm là 18.000.000 đồng (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46F8036929, tên hộ kinh doanh Dịch vụ cầm đồ “M1”, đăng ký ngày 18/3/2019 (bản photo) được lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị H – Chủ cơ sở cầm đồ “Minh Hoàng Phát II” không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền cầm 18.000.000 đồng. Cho nên, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[9] Đối với hành vi của ông Lê Xuân L là quản lý cơ sở cầm đồ “Minh Hoàng Phát II” cầm cố 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter màu xanh, xám, đen, số máy: G3D4E-579340, số khung: RLCUG0610HY554708, biển số 76H1-297.35 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017752, biển số 76H1-297.35 (bản chính) của bị cáo với số tiền 18.000.000 đồng. Ông L không biết xe mô tô nói trên là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không đề nghị xử lý là phù hợp.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Dương Văn P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/01/2026.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy